

Bản án số: 765/2019/LĐ-ST

Ngày: 19/8/2019

*V/v tranh chấp đơn phương chấm dứt
hợp đồng lao động*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Duy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Xuyên

2. Bà Đặng Thị Ngọc Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thủy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 346/2019/TLST-LĐ ngày 02/4/2019 về việc “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2019/QĐXXST-LĐ ngày 29/7/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1967

Địa chỉ: Huỳnh Văn Nghệ, Phường X, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có mặt)

2. Bị đơn: Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại P H

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Kim H

Địa chỉ: Cách Mạng Tháng 8, Phường X, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Nguyễn Tấn L

Địa chỉ: Tân Vĩnh, Phường X, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo giấy ủy quyền ngày 01/7/2019).

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/3/2019, và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn – ông Nguyễn Ngọc S trình bày:

Ông làm việc tại Công ty TNHH DV TM P H từ tháng 3/2015, hợp đồng lao động cuối cùng ký ngày 01/10/2018 là hợp đồng không xác định thời hạn, mức lương thực tế 15.300.000 đồng, chức danh là phó tổng quản lý.

Vào ngày 27/01/2019 lúc 10 giờ 15 phút ông Phúc, chồng bà H có gọi điện thoại cho ông và nói vào tối ngày 26/01/2019 ông có ngủ trong phòng làm việc từ 18 giờ đến 20 giờ. Ông S trả lời với ông Phúc là do ông bị ốm nên có nằm trong phòng làm việc, Ông Phúc nói cho ông nghỉ việc. Đến 12 giờ 35 phút ông S đến Công ty và gọi cho bà H hỏi thì bà H trả lời đúng là cho ông nghỉ việc và hỏi ông có 2 cách giải quyết: một là theo luật và hai là giải quyết tình cảm thì ông nói là tình cảm (Vì ông đang cần tiền vì gần tết). Qua hôm sau ngày 28/01/2019 lúc 13 giờ ông vẫn đi làm việc thì bảo vệ không cho ông vào và cho ông xem thông báo là công ty đã xác nhận cho nghỉ việc và không cho ông vào công ty. Ông có điện thoại cho bà H thì bà trả lời “Cứ về đi rồi tôi sẽ hẹn lên lấy tiền”. Đến ngày 30/01/2019 bà H điện thoại kêu ông lên Công ty để lấy tiền. Vào lúc 8 giờ 30 phút ông đến công ty thì bà H đưa cho ông khoảng 16 triệu đồng bao gồm tiền lương từ ngày 16/1/2019 đến ngày 26/01/2019, tiền ký quỹ 10 ngày lương, và tiền đồng phục. Ông không đồng ý với cách giải quyết trên nên bỏ về.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH DV TM P H phải nhận ông trở lại làm việc theo hợp đồng lao động và trả cho ông các khoản:

1. Tiền lương từ 27/01/2019 đến ngày 19/8/2019 là: 105.334.000 đồng
 2. Bồi thường 02 tháng lương x 15.300.000 đồng = 30.600.000 đồng
 3. Tiền nghỉ phép năm 2019: 7.061.000 đồng
 4. Ngày tiền dương lịch đi làm: 1.765.000 đồng
 5. Tiền lương còn thiếu từ ngày 16/01/2019 đến 26/01/2019 = 6.468.000 đồng
 6. Tiền đồng phục: 3.000.000 đồng
 7. Tiền ký quỹ 10 ngày lương: 4.166.000 đồng
 8. Tiền doanh thu nửa tháng 01/2019: 1.000.000 đồng
 9. Đóng bảo hiểm xã hội trong thời gian không được làm việc 6.467.000 đồng.
- Tổng cộng: 164.861.000 đồng.

Tại các bản tự khai và các buổi làm việc tại Tòa án người đại diện hợp pháp của bị đơn- bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Bị đơn xác nhận giữa Công ty TNHH DV TM P H và ông Nguyễn Ngọc S có quan hệ lao động, hợp đồng lao động số 16/2018/PHHĐLĐ ký ngày 01/10/2018 là hợp đồng không xác định thời hạn. Ông Nguyễn Ngọc S làm việc tại Công ty P H với chức danh Phó tổng quản lý, mức lương thực lĩnh là 15.300.000 đồng.

Vào khoảng 11 giờ ngày 27/01/2019, ông S gọi điện cho bà hỏi tại sao cho nghỉ việc thì bà trả lời là chưa cho nghỉ việc và hỏi ông S có một trong 02 cách giải quyết: một là ông S lên xử lý kỷ luật theo quy định hai là nghỉ việc theo hướng tình cảm thì ông S chọn cách 2 và đến 11 giờ 27 phút ông S có nhắn tin cho bà H với nội dung là: Xác nhận nghỉ việc giải quyết theo hướng tình cảm chế độ nghỉ việc.

Sau đó ngày 30/01/2019 ông S có lên công ty để nhận tiền ký quỹ, tiền đồng phục, tiền lương đến hết ngày 26/01/2019 nhưng ông S không đồng ý nhận. Tại buổi hòa giải tại phòng Lao động Thương binh và Xã hội Quận 3 ông S đề nghị trả thêm cho ông 01 tháng lương là 15.300.000 đồng nhưng Công ty không đồng ý, chỉ đồng ý trả 4.550.000 đồng.

Nay ông S khởi kiện yêu cầu Công ty bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật thì Công ty không đồng ý vì ông S đã nhắn tin xác nhận nghỉ việc.

Sau khi nghỉ việc ông nghỉ việc tại Công ty P H thì ông S đã đi làm việc tại Công ty khác cho đến nay.

Công ty chỉ đồng ý trả cho ông S các khoản gồm:

1. Tiền ký quỹ: 4.166.000 đồng
2. Tiền đồng phục: 3.000.000 đồng
3. Tiền lương từ ngày 16/01/2019 đến ngày 26/01/2019: 6.468.000 đồng.
4. Tiền thưởng doanh thu đến hết 26/01/2019: 1.000.000 đồng.

Tổng cộng là 14.634.000 đồng.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, như đã trình bày và yêu cầu bị đơn Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại P H trả cho ông các khoản tổng cộng số tiền 164.861.000 đồng và nhận ông trở lại làm việc.

Bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì ông S đã xác nhận và đồng ý nghỉ việc. Bị đơn đồng ý trả cho ông S các khoản gồm tiền ký quỹ, tiền đồng phục, tiền lương từ ngày 16/01/2019 đến ngày 26/01/2019; tiền thưởng doanh thu đến 26/01/2019; tiền làm thêm ngày tết dương lịch; Tổng cộng số tiền 16.399.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật Tố tụng và việc giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Việc Tòa án nhân dân Quận 3 thụ lý và tiến hành giải quyết vụ án là

đúng theo quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự ngoài ra còn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3 tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Ngọc S khởi kiện Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại P H bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật. Đây là tranh chấp về “Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động” và Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại P H có trụ sở tại 546 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 32; điểm c, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các bên đương sự không thống nhất được việc giải quyết toàn bộ vụ án nên đã đưa ra xét xử theo quy định tại Điều 205, Điều 210 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật:

Nguyên đơn – ông Nguyễn Ngọc S yêu cầu Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại P H phải bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật các khoản:

1. Tiền lương từ 27/01/2019 đến nay là 05 tháng = 76.500.000 đồng
2. Bồi thường 02 tháng lương x 15.300.000 đồng = 30.600.000 đồng
3. Tiền nghỉ phép năm 2019: 7.061.000 đồng
4. Ngày tiền dương lịch đi làm: 1.765.000 đồng
4. Đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho đến ngày xét xử vụ án.
5. Nhận ông trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã ký.

Căn cứ vào Hợp đồng lao động số 16/2018/PH -HĐLĐ ngày 01/10/2018 giữa ông Nguyễn Ngọc S với Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại P H và sự xác nhận của các đương sự thì ông S làm việc tại Công ty P H từ tháng 3 năm 2015 với chức danh phó tổng quản lý, mức lương ghi trên hợp đồng là 4.550.000 đồng, lương thực lĩnh là 15.300.000 đồng. Hợp đồng giữa hai bên là loại hợp đồng không xác định thời hạn.

Căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ các đương sự đã cung cấp thì xác định: Vào ngày 27/01/2019, ông S có gọi điện thoại cho bà H trao đổi về việc chồng bà H là ông Phúc yêu cầu ông S nghỉ việc do ông S ngủ trong phòng làm việc từ 18 giờ đến 20 giờ ngày 26/01/2019. Ông S đã gọi điện thoại trao đổi với bà H về việc nghỉ việc của ông S. Qua trao đổi giữa hai bên thì ông S đã nhắn tin cho bà H với nội dung xác nhận nghỉ việc giải quyết theo tình cảm. Căn cứ vào tin nhắn xác nhận nghỉ việc của ông S. Công ty P H đã thông báo cho các nhân viên khác về việc ông S không còn làm việc tại Công ty. Đến ngày 30/01/2019 ông S đến Công ty để nhận các khoản tiền sau khi chấm dứt hợp đồng lao động số tiền khoảng 16 triệu đồng thì ông không đồng ý nên ông bỏ về. Vụ việc được đưa ra hòa giải tại Phòng lao động thương binh và xã hội Quận 3 nhưng không thành. Quá trình hòa giải tại Phòng lao động thương binh và xã hội Quận 3 ông S cũng khẳng định việc có nhắn tin xác nhận nghỉ việc cho bà H.

Như nội dung nêu trên và tin nhắn xác nhận nghỉ việc của ông S gửi cho bà H (là người đại diện theo pháp luật của Công ty) thì xác định giữa ông S và Công ty đã có sự thống nhất về việc chấm dứt hợp đồng lao động và ngày 30/01/2019 ông S lên Công ty nhận số tiền còn lại sau khi chấm dứt hợp đồng lao động. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông S cho rằng ông nhắn tin xác nhận nghỉ việc vì nghĩ công ty sẽ trả cho ông nhiều hơn số tiền mà công ty đưa cho ông vào ngày 30/01/2019. Tuy nhiên căn cứ vào trình bày của các đương sự và các tài liệu chứng cứ các đương sự đã cung cấp không thể hiện việc có sự thỏa thuận nào khác về số tiền mà ông S được nhận sau khi chấm dứt hợp đồng lao động. Số tiền mà Công ty đã giải quyết trả cho ông S là đúng với quyền lợi mà ông S được hưởng sau khi chấm dứt hợp đồng lao động.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 36 của Bộ luật lao động thì hợp đồng lao động giữa ông Nguyễn Ngọc S và Công ty P H đã chấm dứt từ ngày 27/01/2019 do các bên đã thỏa thuận chấm dứt hợp đồng lao động. Do đó ông S yêu cầu Công ty P H phải bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Về yêu cầu trả tiền ký quỹ, tiền đồng phục, tiền lương, tiền thưởng doanh thu:

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Công ty P H cũng khẳng định đã giải quyết thôi việc theo nguyện vọng của ông S và công ty cũng đồng ý trả cho ông S các khoản tiền gồm:

1. Tiền ký quỹ: 4.166.000 đồng
2. Tiền đồng phục: 3.000.000 đồng
3. Tiền lương từ ngày 16/01/2019 đến ngày 26/01/2019: 6.468.000 đồng.
4. Tiền thưởng doanh thu đến hết 26/01/2019: 1.000.000 đồng.
5. Tiền làm thêm ngày tết dương lịch 01/01/2019: 1.765.000 đồng

Tổng cộng là 16.399.000 đồng.

Các khoản chi trả trên là phù hợp với quy định tại Điều 94, Điều 97 của Bộ luật lao động và bị đơn cũng tự nguyện chi trả nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu

cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn các khoản như đã nêu trên.

[4] Về yêu cầu đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế:

Như đã nhận định ở trên thì Hợp đồng lao động giữa ông Nguyễn Ngọc S và Công ty P H đã chấm dứt từ ngày 27/01/2019. Do đó Công ty P H và ông Nguyễn Ngọc S có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội cho đến hết ngày 26/01/2019.

[5] Về án phí lao động sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc S được miễn án phí lao động sơ thẩm, Công ty TNHH P H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32; điểm c, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3, Điều 36; Điều 96, Điều 97 của Bộ luật Lao động;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ Luật bảo hiểm xã hội.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc S, buộc bị đơn Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại P H phải trả cho ông S các khoản:

- Tiền ký quỹ: 4.166.000 đồng
 - Tiền đồng phục: 3.000.000 đồng
 - Tiền lương từ ngày 16/01/2019 đến ngày 26/01/2019: 6.468.000 đồng.
 - Tiền thưởng doanh thu đến hết 26/01/2019: 1.000.000 đồng.
 - Tiền lương làm thêm ngày tết dương lịch 01/01/2019: 1.765.000 đồng
- Tổng cộng là 16.399.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc S về việc buộc Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại P H phải bồi thường do đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật các khoản:

- Tiền lương từ 27/01/2019 đến ngày 19/8/2019 = 105.334.500.000 đồng
- Bồi thường 02 tháng lương x 15.300.000 đồng = 30.600.000 đồng
- Tiền nghỉ phép năm 2019: 7.061.000 đồng

- Ngày tiền dương lịch đi làm: 1.765.000 đồng
- Đóng bảo hiểm xã hội cho đến ngày 19/8/2019.
- Nhận ông trở lại làm việc theo hợp đồng lao động.

3. Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại P H và ông Nguyễn Ngọc S có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc cho ông Nguyễn Ngọc S cho đến tháng 01/2019 với mức đóng Bảo hiểm xã hội tương ứng theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.

4. Về án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn – ông Nguyễn Ngọc S được miễn án phí.

Bị đơn - Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại P H phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 491.970 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn - ông Nguyễn Ngọc S và bị đơn - Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại P H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện Kiểm sát nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân Quận 3;
- Chi cục Thi hành án Quận 3;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Duy